

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 108/2021/HS-ST
Ngày 16-4-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Ngọc Sương;

Bà Dương Thị Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2021/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng Đào, sinh ngày 21/10/2001 tại tỉnh Bạc Liêu; nơi thường trú: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu; nơi tạm trú: Số 205/2 khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 và bà Lê Thu S, sinh năm 1971; bị cáo chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15 tháng 6 năm 2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Tô Văn K, sinh năm 1996 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

Ông Tô Minh B, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bà Lê Cẩm T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện T, thành phố Cà Mau. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tô Cẩm H, sinh ngày 17/6/2017. Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Cẩm T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện T, thành phố Cà Mau là mẹ ruột. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 và bà Lê Thu S, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu. Có mặt.

Bà Nguyễn Kim N, sinh năm 1994; nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ông Nông Văn P, sinh năm 1986; nơi cư trú: xã T, huyện T, tỉnh An Giang. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bà Phan Thị T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 49/2B, đường số 7, khu phố 5, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

Phạm Thị Ngọc H.

Lê Tấn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hồng Đ chưa có giấy phép lái xe mô tô theo quy định.

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 31/10/2019, Nguyễn Hồng Đ điều khiển xe mô tô biển số 67C1 - 646.58 chở theo sau bà Nguyễn Thị Hồng Ng lưu thông trên đường ĐT 743 hướng từ ngã 6 An Phú về Miếu C, T, Bình Dương. Khi lưu thông đến đoạn đường thuộc khu phố B, phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương thì Đ cho xe mô tô chuyển hướng rẽ trái sang đường, không chú ý quan sát, không đảm bảo an toàn dẫn đến va quệt phần tay cầm xe bên phải của xe Đ với tay cầm xe bên phải của xe mô tô biển số 69N1 - 414.85 do ông Tô Văn K điều khiển đang lưu thông ở phần đường xe mô tô ông K điều khiển theo hướng ngược lại từ miếu C về ngã sáu P, làm ông K té ngã sang trái xuống phần đường xe ô tô (theo hướng lưu thông của xe ông K). Cùng lúc này có xe ô tô biển số 51G - 062.25 do bà Phan Thị T điều khiển trên làn đường xe ô tô từ phía sau chạy tới (cùng hướng lưu thông xe ông K) cán vào người ông K. Hậu quả, ông K tử vong sau cấp cứu.

Sau tai nạn hiện trường để lại như sau:

Hiện trường là trên đường ĐT 743B, trải nhựa phẳng, thẳng, rộng 15 mét. Ở giữa có hai vạch kẻ đường liền nét chia đường thành hai phần đường xe chạy riêng biệt, ngược chiều nhau. Phần đường xảy ra tai nạn hướng từ ngã tư miếu C về hướng ngã sáu A, rộng 7,40 mét, gồm có 02 làn xe chạy, làn xe ô tô rộng 3,80 mét và làn xe mô tô rộng 3,60 mét, không có chướng ngại vật trên đường.

- Xe mô tô biển số 69N1-414.85 ngã bên trái, đầu xe quay về hướng vạch kẻ đường. Từ trục bánh trước đo đến mép đường chuẩn dài 6,50 mét; từ trục bánh sau đo đến mép đường chuẩn dài 5,40 mét.

- Xe ô tô biển số 51G-062.25 dừng sát lề đường chuẩn, đầu quay về hướng ngã sáu P, cách xe mô tô biển số 69N1-414.85, dài 25 mét.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 1004/GĐPY ngày 04/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương kết luận như sau: Nguyên nhân

chết của nạn nhân Tô Văn K là do: Choáng đa chấn thương, chấn thương sọ não, xuất huyết màng nhện, tụt hạnh nhân.

Tại Bản kết luận giám định số 363/HPL-PC09 ngày 07/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Nồng độ cồn trong máu của nạn nhân Tô Văn K là 91,38mg/100ml.

Tại Bản kết luận giám định số 189/GĐCH-PC09 ngày 25/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương kết luận như sau: Không phát hiện dấu vết va chạm giữa xe mô tô hai bánh biển số 69N1-414.85 và xe ô tô con biển số 51G-062.25.

Sau tai nạn, Nguyễn Hồng Đ đã mang xe mô tô biển số 67C1 - 646.58 rời khỏi hiện trường và sửa chữa nên không thể thu thập dấu vết trên phương tiện.

Tại bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 2481/C09B ngày 19/5/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tại thời điểm giám định, tháng 05 năm 2020, Nguyễn Hồng Đ có độ tuổi từ 18 năm đến 18 năm 06 tháng.

Tại bản Cáo trạng số 102/CT-VKS-TA ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Hồng Đ về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh như cáo trạng đã truy tố, phân tích tính chất, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Đ mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Hồng Đ đã bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Tô Văn K số tiền 35.000.000 đồng, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại Tô Văn K là bà Nguyễn Thị K yêu cầu bị cáo bồi thường thêm số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý và đã thanh toán được 10.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại Tô Văn K là bà Nguyễn Thị K đồng ý và không yêu cầu gì thêm.

Qua điều tra xác định tại thời điểm xảy ra tai nạn, bà Phan Thị T điều khiển xe ô tô biển số 51G - 062.25 lưu thông trên phần đường và làn đường đúng quy định. Khi xe mô tô của Nguyễn Hồng Đ rẽ trái sang đường không quan sát gây va quệt với xe mô tô của ông Tô Văn K làm ông K té ngã xuống phần đường xe ô tô ngay lúc xe bà T đang lưu thông từ phía sau đến gây ra tai nạn là sự kiện bất ngờ không phòng tránh kịp nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý bà T là có căn cứ.

Về vật chứng:

+ Đối với xe mô tô hai bánh biển số 67C1-645.58 quá trình điều tra xác định do ông Nông Văn P đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, ngày 31/10/2019, trong lúc ông P đi làm, Đ có đến nhà trọ của ông P, gặp bà Nguyễn Kim N là chị ruột của Đ và đang chung sống như vợ chồng với ông Nông Văn P, để mượn xe mô tô hai bánh biển số 67C1-645.58 đi làm. Bà N tự ý giao xe cho Đ mượn nhưng không hỏi ý kiến của ông P. Ông P qua làm việc cũng không có yêu cầu gì nên xét thấy xe mô tô hai bánh biển số 67C1-645.58 là tài sản thuộc sở hữu của ông P nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô trên cho ông P là có căn cứ. Việc bà N giao xe cho Đ mượn sử dụng, về mặt ý thức bà không biết rõ Đ không có giấy phép lái xe theo quy định nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

+ Đối với xe ô tô con biển số 51G - 062.25 do bà Phan Thị T đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, xác định đây là tài sản hợp pháp của bà T nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô trên cho bà T là có căn cứ.

+ Đối với xe mô tô biển số 69N1 - 414.85 do ông Tô Văn K đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, xác định đây là tài sản hợp pháp của ông K nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô trên cho bà Nguyễn Thị K là mẹ của ông K và là người đại diện hợp pháp của ông K, là có căn cứ.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị K, ông Tô Minh B, bà Lê Cẩm T có lời khai phù hợp với nhau cùng thống nhất theo ý kiến, yêu cầu của bà Nguyễn Thị K và thống nhất theo quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thu S, bà Nguyễn Kim N, ông Nông Văn P, bà Nguyễn Thị Hồng NG, bà Phan Thị T có lời khai phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, các ông bà không có yêu cầu gì đối với vụ án và thống nhất theo quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống nội dung Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hồng Đ đã khai nhận hành vi vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 31/10/2019, Nguyễn Hồng Đ không có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 theo quy định của Luật giao thông đường bộ đã điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 67C1-645.58 chở theo sau bà Nguyễn Thị Hồng NG, lưu thông trên đường ĐT743, đoạn thuộc khu phố B, phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương thì chuyển hướng rẽ trái, không chú ý quan sát, không đảm bảo an toàn dẫn đến va chạm với xe mô tô biển số 69N1 - 414.85 trên phần đường xe mô tô do ông Tô Văn K điều khiển theo chiều đi ngược lại, làm ông K té ngã sang trái (hướng lưu thông của ông K) cùng lúc này có xe ô tô biển số 51G - 062.25 do bà Phan Thị T điều khiển từ phía sau chạy tới (cùng hướng lưu thông xe ông K) cán vào người ông K. Hậu quả, ông K tử vong sau cấp cứu. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về

tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, vô ý gây thiệt hại cho tính mạng của người khác. Tình hình tai nạn giao thông ngày càng gia tăng như hiện nay phần lớn là do ý thức không tuân thủ các quy tắc an toàn giao thông đường bộ tương tự như bị cáo. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới đủ sức răn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại đồng thời người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Xét bị cáo có nhân thân tốt, có địa chỉ cư trú rõ ràng, sau khi phạm tội đã thể hiện sự ăn năn, hối cải, phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo, việc không cách ly bị cáo ra ngoài xã hội cũng không gây nguy hiểm nên không cần cách ly bị cáo mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo, tạo điều kiện để bị cáo tự cải tạo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục theo quy định pháp luật.

Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật. Mặt khác, bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này, bị cáo không có vi phạm pháp luật nào khác; bị cáo có gia đình và nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo mình, việc không cách ly bị cáo ra ngoài xã hội cũng không ảnh hưởng đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung nên không cần cách ly bị cáo mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, tạo điều kiện để bị cáo tự cải tạo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục theo quy định pháp luật.

Đối chiếu với mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với xe mô tô hai bánh biển số 67C1-645.58 quá trình điều tra xác định do ông Nông Văn P đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, ngày 31/10/2019, trong lúc ông P đi làm, Đ có đến nhà trọ của ông P, gặp bà Nguyễn Kim N là chị ruột của Đ và đang chung sống như vợ chồng với ông Nông Văn P, để mượn xe mô tô hai bánh biển số 67C1-645.58 đi làm. Bà N tự ý giao xe cho Đ mượn nhưng không hỏi ý kiến của ông P. Ông P qua làm việc cũng không có yêu cầu gì nên xét thấy xe mô tô hai bánh biển số 67C1-645.58 là tài sản thuộc sở hữu của ông P nên Cơ quan điều tra đã trả lại

xe mô tô trên cho ông P là có căn cứ. Việc bà N giao xe cho Đ mượn sử dụng, về mặt ý thức bà không biết rõ Đ không có giấy phép lái xe theo quy định nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

+ Đối với xe ô tô con biển số 51G - 062.25 do bà Phan Thị T đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, xác định đây là tài sản hợp pháp của bà T nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô trên cho bà T là có căn cứ.

+ Đối với xe mô tô biển số 69N1 - 414.85 do ông Tô Văn K đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, xác định đây là tài sản hợp pháp của ông K nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô trên cho bà Nguyễn Thị K là mẹ của ông K và là người đại diện hợp pháp của ông K là có căn cứ.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại Tô Văn K số tiền 35.000.000 đồng, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại Tô Văn K là bà Nguyễn Thị K yêu cầu bị cáo bồi thường thêm số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý và đã thanh toán được 10.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại Tô Văn K là bà Nguyễn Thị K đồng ý và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền mà bà Phan Thị T đã hỗ trợ cho gia đình bị hại là 50.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Phan Thị T không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

- Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 584, Điều 585 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng Đ phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hồng Đ 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án ngày 16 tháng 4 năm 2021.

Giao bị cáo Nguyễn Hồng Đ cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương phải thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự thành phố T, tỉnh Bình Dương để tiến hành thủ tục theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hồng Đ phải bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Tô Văn K số tiền còn lại là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hồng Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huệ

